

VOTRIENT®

viên nén bao phim

Pazopanib hydrochloride

Thông tin thuốc tiêu dùng

<https://healthyungthu.com/shop/>

Có gì trong tờ rơi này

Vui lòng đọc kỹ tờ rơi này trước khi dùng VOTRIENT.

Tờ rơi này trả lời một số thông tin chung các câu hỏi về VOTRIENT (pazopanib hydrochloride). Nó không chứa tất cả những gì có sẵn thông tin.

Nó không thay thế việc nói chuyện với bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.

Bạn phải đảm bảo rằng bạn nói cho dược sĩ hoặc bác sĩ của bạn để có được thông tin cập nhật nhất về thuốc.

Bạn cũng có thể tải xuống tờ rơi cập nhật nhất từ www.novartis.com.au.

Các bản cập nhật có thể chứa thông tin quan trọng về thuốc và việc sử dụng nó mà bạn nên nhận thức.

Tất cả các loại thuốc đều có rủi ro và những lợi ích. Bác sĩ của bạn đã cân nhắc lợi ích dự kiến khi dùng VOTRIENT với những rủi ro mà thuốc này có thể gây ra cho bạn.

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về việc dùng thuốc này, hãy hỏi bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.

Giữ cái tờ giấy với đầy đủ thuốc nhé.

Bạn có thể cần phải đọc nó một lần nữa.

VOTRIENT dùng để làm gì

VOTRIENT chứa hoạt chất chất pazopanib, thuộc về đến một nhóm thuốc chống ung thư được gọi là chất ức chế protein kinase .

VOTRIENT được sử dụng đơn độc để điều trị ung thư thận giai đoạn tiến triển hoặc đã lan sang các vùng khác cơ quan (di căn). VOTRIENT cũng được sử dụng như một tác nhân đơn lẻ để điều trị Sarcoma mô mềm tiến triển, đây là một loại ung thư ảnh hưởng đến các mô hỗ trợ của cơ thể. Nó có thể xảy ra ở cơ, máu mạch máu, mô mỡ hoặc các mô khác hỗ trợ, bao quanh và bảo vệ Nội tạng.

VOTRIENT hoạt động bằng cách ngăn chặn hoạt động của các protein có liên quan đến sự phát triển và lan rộng của tế bào ung thư.

Bác sĩ của bạn có thể đã kê đơn VOTRIENT vì lý do khác.

Thuốc này chỉ có sẵn với đơn thuốc của bác sĩ. VOTRIENT không gây nghiện.

Trước khi bạn lấy VOTRIENT

Khi bạn không được dùng nó

Bạn không được dùng VOTRIENT nếu:

- Bạn đã từng bị bệnh nặng phản ứng dị ứng (quá mẫn cảm) thành VOTRIENT (pazopanib hydrochloride).
Kiểm tra với bác sĩ nếu bạn nghĩ rằng điều này có thể áp dụng cho bạn.
- Bạn đã từng bị dị ứng với bất kỳ thành phần nào được liệt kê ở cuối của tờ rơi này.
(Xem phần "Thành phần")
- Hạn sử dụng (EXP) in trên bao bì đã hết.

- Bao bì bị rách hoặc có dấu hiệu giả mạo.

Trước khi bạn bắt đầu dùng nó

Hãy cho bác sĩ của bạn nếu bạn:

- Bị bệnh tim
- Đã bị suy tim hoặc bị bệnh tim tấn công
- Đã từng có cục máu đông trong cơ thể tĩnh mạch hoặc trong phổi
- Đã từng bị xẹp phổi trước đó
- Bị huyết áp cao
- Bị bệnh gan
- Đã từng gặp vấn đề về chảy máu, đông máu hoặc hẹp động mạch
- Nếu bạn đang hoặc đã từng bị chứng phình động mạch (thành mạch máu to ra và yếu đi) hoặc thành mạch máu bị rách .

- Đã từng bị đau dạ dày hoặc ruột các vấn đề như thủng (lỗ) hoặc lỗ rò (đường hoặc đường hầm bất thường dẫn ra khỏi ruột) .

- Có vấn đề về tuyến giáp
- Sắp thực hiện một thủ thuật phẫu thuật hoặc nha khoa, hoặc nếu gần đây bạn đã thực hiện.

Kiểm tra với bác sĩ nếu bạn nghĩ rằng bất kỳ điều nào trong số này có thể áp dụng cho bạn.

Trước khi bạn dùng VOTRIENT, bác sĩ sẽ lấy mẫu máu để kiểm tra xem có vấn đề gì về gan không. Bạn có thể cần xét nghiệm thêm để kiểm tra xem tim và tuyến giáp của bạn có hoạt động tốt không. Bác sĩ có thể quyết định điều chỉnh liều hoặc ngừng

VOTRIENT®

Được xuất bản bởi MIMS Tháng 7 năm 2022

điều trị dựa vào kết quả

những bài kiểm tra này.

Không cho con bú trong khi đang dùng VOTRIENT.

Người ta không biết liệu

thành phần trong VOTRIENT đi vào

sữa mẹ và do đó có thể gây hại cho em bé

của bạn.

Hãy nói chuyện với bác sĩ của bạn về điều này.

Dùng các loại thuốc khác và VOTRIENT

Trước khi dùng VOTRIENT, hãy cho bác sĩ, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc dược sĩ biết nếu bạn đang dùng bất kỳ loại thuốc nào khác, đã dùng bất kỳ loại thuốc nào gần đây hoặc nếu bạn bắt đầu dùng thuốc mới.

những cái đó.

Điều này bao gồm các loại thuốc thảo dược và các loại thuốc khác bạn đã mua mà không cần toa bác sĩ.

VOTRIENT có thể ảnh hưởng đến một số vấn đề khác thuốc, nếu không chúng có thể ảnh hưởng đến VOTRIENT. Dùng cả hai cùng nhau có thể khiến bạn dễ gặp tác dụng phụ hơn. Những cái này thuốc bao gồm:

- Clarithromycin, ketoconazol, itraconazol, rifampicin, telithromycin, voriconazol (dùng điều trị nhiễm nấm)
- Atazanavir, indinavir, nelfinavir, ritonavir, saquinavir (dùng điều trị HIV)
- Nefazodone (dùng để điều trị trầm cảm)
- Simvastatin (dùng điều trị cholesterol cao)
- Thuốc giảm đau dạ dày axit (ví dụ esomeprazole).

Hãy cho bác sĩ, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc dược sĩ của bạn biết nếu bạn dùng bất kỳ loại thuốc nào trong số này. Hãy hỏi họ nếu bạn không chắc liệu thuốc của mình có phải là một trong những loại thuốc được liệt kê ở trên hay không.

Một số không được mang theo

VOTRIENT. Đối với những người khác, liều lượng hoặc

thời gian bạn dùng thuốc có thể cần phải thay đổi.

Dùng VOTRIENT cùng với thức ăn và đồ uống

Uống VOTRIENT khi bụng đói, ít nhất một giờ trước hoặc ít nhất hai giờ sau khi ăn.

VOTRIENT bị ảnh hưởng bởi thực phẩm bạn ăn. Để biết chi tiết, hãy xem "Làm cách nào để dùng VOTRIENT?"

Không uống nước bưởi trong khi đang điều trị bằng VOTRIENT vì điều này có thể làm tăng nguy cơ tác dụng phụ.

Trẻ em và thanh thiếu niên

Votrient không được khuyến khích cho sử dụng ở trẻ em và thanh thiếu niên dưới 18 tuổi.

Mang thai và cho con bú

VOTRIENT không được khuyến khích nếu bạn đang mang thai hoặc cho con bú.

Nếu bạn đang mang thai hoặc cho con bú, dự định có thai hoặc nghĩ rằng mình có thể mang thai, hãy nói chuyện với bác sĩ về những rủi ro và lợi ích tiềm ẩn khi dùng VOTRIENT.

Bác sĩ sẽ thảo luận với bạn về những nguy cơ tiềm ẩn khi dùng VOTRIENT trong thời kỳ mang thai hoặc cho con bú.

Sử dụng một phương pháp tránh thai đáng tin cậy để tránh mang thai trong khi bạn đang dùng VOTRIENT và trong 2 tuần sau đó bạn ngừng điều trị với nó.

Nếu bạn có thai hoặc nghĩ rằng mình đang mang thai, hãy báo cho bác sĩ của bạn hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngay lập tức.

Nam giới dùng VOTRIENT

Bệnh nhân nam (bao gồm cả những người đã thất ống dẫn tinh) có bạn tình nữ đang mang thai, có thể đang mang thai hoặc có thể mang thai nên sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục trong khi dùng VOTRIENT và trong ít nhất 2 tuần sau liều cuối cùng.

Lái xe và sử dụng máy móc

VOTRIENT có thể có tác dụng phụ chẳng hạn như mệt mỏi, suy nhược và mất năng lượng có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe của bạn.

Đừng lái xe hoặc sử dụng máy móc trừ khi bạn cảm thấy khỏe.

Tôi dùng VOTRIENT như thế nào?

Luôn dùng VOTRIENT chính xác như bác sĩ, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hoặc dược sĩ đã nói với bạn.

Bạn nên kiểm tra với họ nếu bạn không chắc chắn.

Cần dùng bao nhiêu VOTRIENT

Liều thông thường là 800 mg VOTRIENT, uống 1 lần/ngày. Bác sĩ có thể quyết định cho bạn hai viên 400 mg hoặc bốn viên 200 mg để tạo nên liều 800 mg.

Làm thế nào và khi nào nên dùng nó

Nuốt cả viên với nước, lần lượt từng viên, vào cùng một thời điểm mỗi ngày.

Không bê hoặc nghiền viên thuốc vì điều này ảnh hưởng đến cách hấp thu thuốc và có thể làm tăng nguy cơ tác dụng phụ.

Điều quan trọng là bạn phải uống VOTRIENT khi bụng đói, ít nhất một giờ trước hoặc ít nhất hai giờ sau khi ăn.

Dùng thuốc cùng với thức ăn làm tăng lượng hấp thụ vào cơ thể, có thể làm tăng tác dụng phụ.

Tùy thuộc vào phản ứng của bạn với điều trị, bác sĩ có thể khuyên bạn nên điều chỉnh liều hoặc tạm thời ngừng thuốc. sự đối đãi.

Nếu bạn quên lấy VOTRIENT

Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều đã quên. Lấy

liều tiếp theo vào thời gian đã định.

Dùng nó trong bao lâu

Dùng VOTRIENT trong thời gian theo khuyến nghị của bác sĩ.

Đừng dừng lại trừ khi bác sĩ khuyên bạn.

Nếu bạn có thêm bất kỳ câu hỏi nào về việc sử dụng thuốc này, hãy hỏi bác sĩ, dược sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của bạn.

Nếu bạn lấy quá nhiều (Quá liều)

Hãy gọi điện ngay cho bác sĩ hoặc Trung tâm Thông tin Chất độc (gọi 131126) để được tư vấn nếu bạn cho rằng mình hoặc bất kỳ ai khác có thể đã dùng quá nhiều VOTRIENT, ngay cả khi không có dấu hiệu khó chịu hoặc ngộ độc.

Nếu có thể, hãy cho họ xem gói VOTRIENT. Nếu bạn không chắc chắn phải làm gì, hãy liên hệ với bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn.

Trong khi bạn đang dùng VOTRIENT

Trong khi bạn đang dùng VOTRIENT, bác sĩ sẽ lấy mẫu máu để kiểm tra xem có vấn đề gì về gan hoặc tuyến giáp không. Bác sĩ cũng sẽ lấy mẫu máu và nước tiểu để kiểm tra xem có vấn đề gì về thận không. Bạn cũng sẽ được kiểm tra huyết áp. Bác sĩ sẽ định kỳ ghi lại điện tâm đồ (ECG) của bạn để kiểm tra sự dẫn điện của tim.

Bác sĩ cũng sẽ kiểm tra mọi thủ thuật phẫu thuật hoặc nha khoa gần đây để xem liệu bạn có đang lành vết thương đúng cách hay không.

Những điều bạn phải làm

Hãy cho bác sĩ biết nếu vì bất kỳ lý do gì mà bạn chưa dùng thuốc đúng theo chỉ dẫn.

Nếu không, bác sĩ của bạn có thể nghĩ rằng nó không hoạt động như bình thường

và thay đổi cách điều trị của bạn một cách không cần thiết.

Những điều bạn không được làm

Không đưa thuốc này cho người khác, ngay cả khi các triệu chứng của họ có vẻ giống với triệu chứng của bạn.

Không sử dụng VOTRIENT để điều trị bất kỳ khiếu nại nào khác trừ khi bác sĩ yêu cầu.

Những điều cần cẩn thận

Hãy cẩn thận khi lái xe, vận hành máy móc hoặc làm những công việc đòi hỏi bạn phải cảnh giác cho đến khi bạn biết Votrient ảnh hưởng đến bạn như thế nào.

Phản ứng phụ

Giống như tất cả các loại thuốc, VOTRIENT có thể gây ra tác dụng phụ, mặc dù không phải ai cũng gặp phải.

Hãy kiểm tra với bác sĩ càng sớm càng tốt nếu bạn cho rằng mình đang gặp bất kỳ tác dụng phụ hoặc phản ứng dị ứng nào do dùng VOTRIENT, ngay cả khi vấn đề đó không được liệt kê dưới đây.

Nếu chúng xảy ra, rất có thể chúng sẽ là nhỏ và tạm thời.

Tác dụng phụ nghiêm trọng

Hãy cho bác sĩ của bạn ngay lập tức nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nghiêm trọng nào được liệt kê dưới đây khi dùng VOTRIENT, vì chúng có thể đe dọa tính mạng hoặc gây tử vong.

- Các dấu hiệu của vấn đề về gan (chức năng gan bất thường, suy gan), có thể bao gồm: vàng da hoặc lòng trắng mắt (vàng da), nước tiểu sẫm màu, mệt mỏi, buồn nôn và/hoặc ói mửa, chán ăn, đau ở vùng thắt lưng bên phải vùng bụng (bụng), dễ bị bầm tím.
- Dấu hiệu huyết áp tăng đột ngột và nghiêm trọng (cơn tăng huyết áp), có thể bao gồm: đau ngực dữ dội, nhức đầu dữ dội, mờ mắt, lú lẫn, buồn nôn và/hoặc

ôn mửa, lo lắng nghiêm trọng, khó thở, co giật, ngất xỉu.

- Các dấu hiệu sưng não (hội chứng bệnh não não sau có thể đảo ngược, hội chứng bệnh não chất trắng sau có thể đảo ngược), có thể bao gồm: mất khả năng nói, mù hoặc thay đổi thị lực, co giật, lú lẫn, nhức đầu, thiếu năng lượng, huyết áp cao.
- Dấu hiệu viêm phổi (bệnh phổi kẽ, viêm phổi) có thể bao gồm: ho không dứt , khó thở.
- Các dấu hiệu của vấn đề về tim như nhịp tim bất thường (QT kéo dài, xoắn đỉnh), rối loạn chức năng tim/ suy tim, đau tim có thể bao gồm: nhịp tim không đều hoặc nhanh , tim đập nhanh , ngất xỉu, đau ngực hoặc tức ngực, đau ở cánh tay, lưng, cổ hoặc hàm, khó thở, sưng chân.
- Dấu hiệu của đột quỵ, có thể bao gồm: tê hoặc yếu ở một bên cơ thể, khó nói, nhức đầu, chóng mặt.
- Các dấu hiệu của cục máu đông trong tĩnh mạch, đặc biệt là ở chân (huyết khối tĩnh mạch sâu), cũng có thể di chuyển đến phổi của bạn (thuyên tắc phổi), có thể bao gồm: đau ngực dữ dội, khó thở, thở nhanh, đau chân, sưng tấy cánh tay/bàn tay hoặc chân/bàn chân của bạn.
- Dấu hiệu đông máu trong các mạch máu nhỏ ở thận và não kèm theo sự giảm số lượng hồng cầu và

các tế bào liên quan đến đông máu (bệnh vi mạch huyết khối) có thể bao gồm: dễ bị bầm tím, huyết áp cao, sốt, lú lẫn, buồn ngủ, co giật, giảm lượng nước tiểu.

- Các dấu hiệu của vấn đề chảy máu (xuất huyết) có thể bao gồm: máu trong phân, phân đen, tiểu ra máu, đau dạ dày, ho và/hoặc nôn ra máu.
- Dấu hiệu rách bụng hoặc thành ruột (thủng) hoặc sự phát triển bất thường sự kết nối giữa hai phần của đường tiêu hóa của bạn (lỗ rò) có thể bao gồm: đau bụng dữ dội, buồn nôn và/hoặc nôn mửa, sốt, chảy nước (mủ) có máu hoặc mùi hôi từ một lỗ hở ở vùng dạ dày (bụng) hoặc gần hậu môn của bạn.
- Các dấu hiệu nhiễm trùng (có thể trở nên nghiêm trọng) có thể bao gồm: sốt, các triệu chứng giống cúm như ho, mệt mỏi và đau nhức cơ thể không thuyên giảm, khó thở và/hoặc thở khò khè, đau khi đi tiểu, vết cắt, vết xước hoặc vết thương đỏ, ẩm, sưng hoặc đau.
- Dấu hiệu của Hội chứng ly giải khối u (TLS). Điều này xảy ra khi một số lượng lớn tế bào ung thư chết trong một thời gian ngắn, giải phóng nội dung của chúng vào máu. Khi điều này xảy ra mức độ Axit uric, kali và photpho tăng nhanh hơn mức thận có thể loại bỏ chúng. Các triệu chứng có thể bao gồm buồn nôn, nôn, tiêu chảy, chuột rút hoặc co giật cơ, suy nhược, tê hoặc ngứa ran, mệt mỏi và không đi tiểu thường xuyên.

Tác dụng phụ có thể xảy ra

- Các tác dụng phụ có thể xảy ra bao gồm sau đây được liệt kê dưới đây.

Nếu những tác dụng phụ này trở nên nghiêm trọng, vui lòng báo cho bác sĩ, dược sĩ hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của bạn.

Tác dụng phụ rất phổ biến

Những điều này có thể ảnh hưởng đến hơn 1 trên 10 người:

- Đau do khối u
- Bệnh tiêu chảy

- Cảm thấy hoặc bị ốm (buồn nôn hoặc nôn)
- Ăn mất ngon
- Đau bụng hoặc khó chịu
- Khó tiêu
- Huyết áp cao
- Đau đầu
- Mất sức
- Thiếu năng lượng
- Suy nhược/mất sức
- Thay đổi màu tóc
- Giảm cân
- Vấn đề về vị giác
- Da nổi mẩn đỏ có vảy
- Phản ứng da hoặc đau ở vùng da lòng bàn tay hoặc lòng bàn chân (bao gồm ngứa ran, tê, đau, sưng hoặc đỏ)

- Chóng mặt
- Ho
- Hụt hơi
- Đau ngực
- Sưng tay, mắt cá chân hoặc bàn chân
- Đau cơ
- Đau ở xương, cơ, dây chằng, khớp và gân
- Loét miệng/viêm miệng lớp lót trong miệng
- Rụng tóc hoặc thừa tóc bất thường
- Mất sắc tố da.

Tác dụng phụ rất phổ biến có thể xuất hiện trong xét nghiệm máu của bạn:

- Tăng một số chất (enzim) do gan sản xuất
- Protein trong nước tiểu
- Tuyến giáp hoạt động kém
- Giảm albumin (một loại protein có trong máu).

Tác dụng phụ thường gặp

Những điều này có thể ảnh hưởng đến 1 trên 10 người:

- Khó ngủ
- Tim trở nên kém hiệu quả hơn bơm máu (rối loạn chức năng tim)
- Thay đổi dẫn truyền điện của tim (kéo dài QT)
- Đau tim

- Giảm lượng máu cung cấp cho cơ thể tim (đau thắt ngực)
- Chảy máu phổi nghiêm trọng
- Đầy hơi
- Chảy máu mũi
- Da khô
- Rối loạn móng tay
- Khàn tiếng
- Khó tiêu
- Nhìn mờ
- Ớn lạnh
- Nhịp tim chậm
- Phổi xẹp đột ngột, gây khó thở
- Chảy máu nghiêm trọng (xuất huyết) ở phổi
- Co thắt cơ bắp
- Đau ngực, khó thở, đau chân và sưng chân /bàn chân. Đây có thể là dấu hiệu của cục máu đông trong cơ thể bạn (huyết khối tắc mạch). Nếu cục máu đông vỡ ra, nó có thể di chuyển đến phổi của bạn và điều này có thể đe dọa tính mạng hoặc thậm chí gây tử vong.
- Chảy máu nghiêm trọng ở đường tiêu hóa (dạ dày và ruột)
- Nhiễm trùng, có hoặc không có thay đổi trong các tế bào bạch cầu (tế bào chống nhiễm trùng)
- Giảm tạm thời lượng máu cung cấp cho não (đột quỵ nhỏ).

Tác dụng phụ thường gặp có thể xuất hiện trong xét nghiệm máu hoặc nước tiểu của bạn:

- Tuyến giáp hoạt động kém
- Protein trong nước tiểu
- Máu trong nước tiểu
- Chức năng gan bất thường
- Giảm số lượng tế bào liên quan đến quá trình đông máu (giảm tiểu cầu)
- Số lượng bạch cầu thấp (giảm bạch cầu trung tính)
- Tăng bilirubin (một chất do gan sản xuất)
- Tăng gamma-glutamyl transpeptidase (một loại men gan)
- Tăng albumin (một loại protein có trong máu)

- Tăng lipase (một loại enzyme từ tuyến tụy).
- Tác dụng phụ không phổ biến
- Những điều này có thể ảnh hưởng đến 1 trên 100 người:
- Các cục máu đông kèm theo sự giảm số lượng hồng cầu và tế bào tham gia vào quá trình đông máu. Những cục máu đông này có thể gây hại cho các cơ quan như não và thận.
- Kết nối bất thường giữa các bộ phận của đường tiêu hóa (lỗ rò)
- Đột quỵ
- Chảy máu não nghiêm trọng
- Sự rung lắc nhanh nguy hiểm của trái tim (Torsade de Pointes)
- Lỗ (thủng) ở đường tiêu hóa đường
- Kết nối bất thường giữa các bộ phận của đường tiêu hóa (lỗ rò)
- Máu tăng đột ngột và nghiêm trọng áp lực có thể đe dọa tính mạng
- Suy gan
- Máu tăng đột ngột và nghiêm trọng áp lực có thể đe dọa tính mạng (cơn tăng huyết áp)
- Viêm tuyến tụy
- Tách hoặc rách lớp lót ở phần sau của mắt (rách hoặc bong võng mạc). Điều này có thể dẫn đến mờ mắt hoặc suy giảm thị lực.
- vết thương trên da không có xu hướng lành lại (loét da)
- Tác dụng phụ không phổ biến có thể xuất hiện trong xét nghiệm máu của bạn
- Sự gia tăng bất thường trong lượng huyết sắc tố trong máu của bạn.
- Tác dụng phụ hiếm gặp
- Viêm phổi
- Sưng não có thể liên quan đến huyết áp cao, nhức đầu, mất khả năng nói hoặc thị lực và/hoặc co giật, có thể đe dọa tính mạng.
- thành mạch máu to ra và yếu đi hoặc bị rách trong thành mạch máu

(phình động mạch và bóc tách động mạch)

Tần số không xác định

- hội chứng ly giải khối u do ung thư bị phân hủy nhanh chóng tế bào
- suy gan

Hãy cho bác sĩ của bạn ngay lập tức nếu bạn nhận thấy bất kỳ điều nào sau đây:

- Thở khó khè, sưng môi/miệng, khó thở, sốt cổ khô, phát ban nổi cục (nổi mề đay) hoặc ngứa xiu. Đây có thể là triệu chứng của phản ứng dị ứng.

Đây không phải là danh sách đầy đủ tất cả các tác dụng phụ có thể xảy ra. Những triệu chứng khác có thể xảy ra ở một số người và có thể có một số tác dụng phụ chưa được biết đến.

Đừng lo lắng bởi danh sách các tác dụng phụ có thể xảy ra này. Bạn không có thể gặp bất kỳ của họ.

Nếu bạn gặp tác dụng phụ

Hãy cho bác sĩ hoặc dược sĩ của bạn biết nếu bất kỳ tác dụng phụ nào được liệt kê trở nên nghiêm trọng hoặc gây rắc rối hoặc nếu bạn nhận thấy bất kỳ tác dụng phụ nào không được liệt kê trong tờ rơi này.

Làm cách nào để bảo quản VOTRIENT?

Giữ thuốc này ở nơi trẻ em không thể nhìn thấy hoặc với tới, chẳng hạn như trong tủ có khóa.

Không bảo quản ở nhiệt độ trên 30°C.

Không để trong ô tô, trên bậu cửa sổ hoặc trong phòng tắm.

Không sử dụng VOTRIENT sau ngày hết hạn ghi trên vỏ chai.

Giữ viên VOTRIENT trong chai cho đến khi uống.

Xử lý

Nếu bạn có bất kỳ viên thuốc không mong muốn nào, đừng bỏ chúng vào nước thải hoặc rác thải sinh hoạt. Hãy hỏi dược sĩ của bạn cách vứt bỏ những viên thuốc bạn không cần. Điều này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

Mô tả Sản phẩm

VOTRIENT trông như thế nào

VOTRIENT là dạng viên nén bao phim, dạng viên nang cải tiến, được đựng trong chai nhựa có nắp đậy an toàn cho trẻ em.

200 mg
Máy tính bảng màu hồng có chữ 'GS JT' được gỡ lõi ở một bên. Có sẵn trong gói 30 viên và 90 viên.

400 mg
Viên màu trắng có chữ 'GS UHL' được gỡ bỏ ở một bên. Có sẵn ở hộp 30 viên và 60 viên.

Thành phần

VOTRIENT chứa hoạt chất thành phần pazopanib hydrochloride. Mỗi viên nén bao phim chứa tương đương với pazopanib 200 mg hoặc 400 mg.

- VOTRIENT cũng chứa:
- Cellulose vi tinh thể (E460)
 - Povidon (E1201)
 - Tinh bột natri glycolat
 - Magie stearat (E572)
 - Hypromellose (E464)
 - Titan dioxit (E171)
 - Macrogol (E1521)
 - Polysorbate 80
 - Oxit sắt đỏ (E172) (chỉ viên 200 mg).

Nhà tài trợ

VOTRIENT được cung cấp bởi:

<https://healthyungthu.com/shop/>

Dược phẩm Novartis

Công ty TNHH Australia Pty

ABN 18 004 244 160

54 đường Waterloo,

Công viên Macquarie NSW 2113

Châu Úc

Điện thoại 1 800 671 203

www.novartis.com.au

® Nhãn hiệu đã đăng ký

© Bản quyền 2021

Tờ rơi này được chuẩn bị vào
tháng 9 năm 2021.

Số đăng ký của Úc:

AUST R 161282: VOTRIENT 200
viên mg

AUST R 161281: VOTRIENT 400
viên mg.

Mã văn bản nội bộ:

(vot170522c dựa trên

PI vot170522i)